

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 278/2026/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Vi Thị T**, sinh năm 1999;

CCCD số: 038199003794, cấp ngày 06/01/2025

Địa chỉ: **Thôn M, xã Y, tỉnh Thanh Hóa.**

Bị đơn: Anh **Vi Thế H**, sinh năm 1996

CCCD số: 038096035911, cấp ngày 15/12/2021

Địa chỉ: **Thôn M, xã Y, tỉnh Thanh Hóa.**

- Căn cứ Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116, và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Vi Thị T** và anh **Vi Thế H**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị **Vi Thị T** và anh **Vi Thế H** thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu **Vi Tú A**, sinh ngày 03/02/2020. Giao cháu **Vi Tú A** cho chị **Vi Thị T** trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Anh **Vi Thế H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **Vi Thị T** mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kể từ tháng 8 năm 2026 cho đến khi cháu **Vi Tú A** đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án.

*Anh **Vi Thế H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.*

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Vi Thị T** chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), gồm 150.000 đồng án phí về quan hệ hôn nhân và gia đình và 150.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị **Vi Thị T** đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000164 ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị **Vi Thị T** đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 10 – Thanh Hóa;
- UBND xã Yên Nhân, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ngô Công Tuấn

